

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN TOÁN 6

A/LÝ THUYẾT

I. PHẦN SỐ HỌC

* Chương I:

1. Tập hợp: Cách cho tập hợp, tập hợp số tự nhiên
2. Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên; các công thức về lũy thừa và thứ tự thực hiện phép tính
3. Tính chất chia hết của một tổng và các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9
4. Số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố
5. Cách tìm ƯCLN, ƯC, BCNN, BC

* Chương II:

1. Tập hợp các số nguyên.
2. Thứ tự trên tập số nguyên
3. Các quy tắc: Cộng hai số nguyên cùng dấu, cộng hai số nguyên khác dấu, trừ hai số nguyên, quy tắc dấu ngoặc, phép nhân số nguyên,
4. Tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên
5. Phép chia hết, ước và bội của 1 số nguyên

II. PHẦN HÌNH HỌC

- Một số hình phẳng trong thực tiễn: Hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân
- Các công thức tính: Chu vi, diện tích một số tứ giác đã học
- Hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng

B/ BÀI TẬP: Các bài tập trong SGK, SBT và một số các dạng bài tập bổ sung tham khảo sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Tập hợp các chữ cái có trong từ TOÁN HỌC là:

- A. $\{T, O, A, N, H, O, C\}$. B. $\{T, O, A, N\}$.
C. $\{H, O, C\}$. D. $\{T, O, A, N\}$.

Câu 2: Số các số tự nhiên có 4 chữ số là:

- A. 8999 số. B. 9000 số. C. 9800 số. D. Một kết quả khác.

Câu 3: Một cửa hàng có 7305 mét vải, cửa hàng đã bán đi 2183 mét vải. Số mét vải còn lại của cửa hàng là:

- A. 4122. B. 5122. C. 5022. D. 5222.

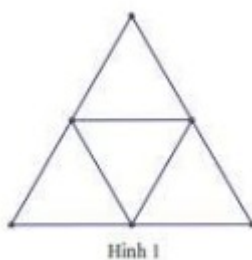
Câu 4: Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

- A. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$. B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$. C. $\{\} \rightarrow () \rightarrow []$. D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$.

Câu 5: Tập hợp tất cả các ước của 9 là:

- A. $\{0; 1; 3; 9\}$. B. $\{1; 3; 9\}$. C. $\{1; 3; 6\}$. D. $\{1; 3\}$.

Câu 6: Số hình thoi trong hình vẽ 1 là:



- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 7: Một hình chữ nhật có diện tích bằng 18 cm^2 ; kích thước một cạnh của hình chữ nhật là 2 m. Kích thước cạnh còn lại của hình chữ nhật đó là:

- A. 45 cm. B. 9 m. C. 7 m. D. 45 cm^2 .

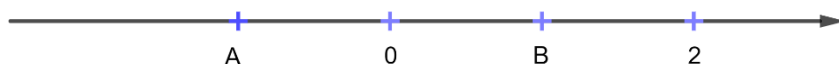
Câu 8: Một hình vuông có diện tích 16 cm^2 . Chu vi của hình vuông là:

- A. 4 cm. B. 8 cm. C. 16 cm. D. 32 cm.

Câu 9: Trong các số sau có bao nhiêu số nguyên dương: $-1; 0; 2; 4\frac{1}{3}; -7; 5; -9$

- A. 2 B. 4 C. 5 D. 3

Câu 10: Cho trục số sau:



Điểm A biểu diễn số nào trên trục số:

- A. 2 B. 3 C. -1 D. 1

Câu 11: Khẳng định nào sau đây là **sai**:

- A. Các số nguyên dương luôn lớn hơn 0.
B. Các số nguyên âm luôn nhỏ hơn các số nguyên dương.
C. Các số nguyên âm luôn lớn hơn 0 và nhỏ hơn các số nguyên dương.
D. Số 0 luôn lớn hơn các số nguyên âm và nhỏ hơn các số nguyên dương.

Câu 12: Cho bảng đo nhiệt độ ở một số nơi trong cùng một thời điểm ta thì được bảng sau:

Quốc Gia	Anh	Việt Nam	Bắc Cực	Hàn Quốc
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	15	37	-4	28

Khẳng định nào sau đây là **sai**.

- A. Việt Nam là nơi nóng nhất trong bốn nước.
B. Bắc Cực là nơi lạnh nhất trong bốn nước.
C. Việt Nam là nơi lạnh nhất trong bốn nước.
D. Việt Nam có nhiệt độ cao hơn ở Anh.

Câu 13: Nước đóng băng ở 0°C trở xuống. Trong phát biểu nào sau đây **sai**:

- A. Nước sẽ đóng băng ở -3°C .
B. Nước sẽ đóng băng ở 0°C .
C. Nước sẽ đóng băng ở 3°C .
D. Nước sẽ không đóng băng ở 3°C .

Câu 14: Kết quả của phép tính $2010 - 2021$ là

- A. 11. B. -11. C. -21. D. 4031.

Câu 15. Kết quả của phép tính $12 + (-36)$ là

- A. - 24. B. 24. C. - 44. D. 48.

Câu 16: Khẳng định nào sau đây là **sai**:

- A. Tổng của hai số nguyên âm là số nguyên dương.
B. Tổng của hai số nguyên dương là số nguyên dương.
C. Tổng của một số nguyên và số 0 là chính nó.
D. Tổng của số nguyên âm và số nguyên dương là số nguyên dương.

Câu 17: Năm ngoái ông An vay ngân hàng 15 triệu đồng. Năm nay ông trả được 7 triệu đồng. Hỏi ông An còn nợ ngân hàng bao nhiêu tiền (triệu đồng)?

- A. 12 triệu đồng. B. 8 triệu đồng. C. 22 triệu đồng. D. 7 triệu đồng.

Câu 18. Bạn Thảo My buổi chiều nhảy tụt xuống 8cm so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều bạn Thảo My nhảy được bao nhiêu cm? Biết buổi sáng bạn Thảo My nhảy xa được 86cm.

- A. 80cm. B. 78cm. C. 94cm. D. 70cm.

Câu 19: Nhiệt độ buổi trưa ở Luân Đôn là 4°C . Khi về đêm, nhiệt độ giảm xuống 11°C so với buổi trưa. Hỏi nhiệt độ về đêm ở Luân Đôn là bao nhiêu độ C?

- A. 15°C . B. 7°C . C. -7°C . D. -15°C .

Câu 20: Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên dương.
B. Tích của hai số nguyên dương là một số nguyên dương.
C. Tích của một số nguyên âm và một số nguyên dương là một số nguyên dương.
D. Tích của một số nguyên dương và một số nguyên âm là một số nguyên âm.

Câu 21: Hãy chọn câu đúng

- A. $(-20).(-4) = -80$. B. $(-12).(-5) = -60$.
C. $25.(-4) = -100$. D. $11.(-11) = -1111$.

Câu 22: Bạn Nam chơi trò chơi mỗi lần bắn trúng mục tiêu được cộng 10 điểm, mỗi lần bắn trượt mục tiêu sẽ bị trừ đi 5 điểm. Hỏi sau 2 lần bắn trúng và 4 lần bắn trượt bạn Nam có bao nhiêu điểm?

- A. 20. B. 40. C. 0. D. - 20.

Câu 23: Một công nhân được trả lương theo sản phẩm, mỗi sản phẩm đúng tiêu chuẩn được trả 3000 đồng nhưng nếu sản phẩm chưa đạt sẽ bị trừ 2000 đồng. Sau một tháng công nhân đó làm được 2400 sản phẩm đúng tiêu chuẩn và 56 sản phẩm chưa đạt. Tiền lương tháng này của công nhân đó là

- A. 7000000 đồng. B. 7088000 đồng.
C. 7880000 đồng. D. 7080000 đồng.

Câu 24: Nhiệt độ ban đầu của một tủ đông chưa cắm điện là 28°C . Sau khi cắm điện nhiệt độ thay đổi đều mỗi giờ sẽ hạ 3°C . Hỏi sau 12 giờ thì nhiệt độ của tủ đông là bao nhiêu?

- A. -10°C . B. -16°C . C. -8°C . D. -12°C .

Câu 25: Hình vuông có cạnh 5cm thì chu vi và diện tích của nó lần lượt là:

- A. 20cm và 25cm. B. 20cm và 25cm^2 .

C. 25cm^2 và 20cm .

D. 20cm và 10cm^2 .

Câu 26: Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 10cm và 15cm thì diện tích của nó là:

A. 300cm^2 .

B. 150cm^2 .

C. 75cm^2 .

D. 25cm^2 .

Câu 27: Hình bình hành có diện tích 50cm^2 và một cạnh bằng 10cm thì chiều cao tương ứng với cạnh đó là:

A. 5cm .

B. 10cm .

C. 25cm .

D. 50cm .

Câu 28: Hình nào sau đây có trục đối xứng:



Câu 29: Những hình nào sau đây có trục đối xứng

A. Hình thang cân, hình chữ nhật, hình thoi

B. Hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi

C. Hình vuông, hình bình hành, hình thoi

D. Hình tam giác đều, hình bình hành, hình thoi

Câu 30: Hình nào vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng

A. Hình thang cân

B. Hình tam giác đều

C. Hình chữ nhật

D. Hình ngũ giác

I. Bài tập tự luận:

Dạng 1:

Bài 1.1: Thực hiện các phép tính sau:

a) $1024 : 2^5 + 140 : (38 + 2^5) - 7^{23} : 7^{21}$

b) $36.55 - 185.11 + 121.5$

c) $98.42 - 50 \left[(18 - 2^3) : 2 + 3^2 \right]$

d) $407 - [(190 - 170) : 4 + 9] : 2$

e) $(23.36 - 17.36) : 36$

f) $3.5^2 - 27 : 3^2 + 5^2 \cdot 4 - 18 : 3^2$.

Bài 1.2: Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể)

1/ $(-30) + 15 + 10 + (-15)$;

2/ $17 + (-12) + 25 - 17$;

3/ $-(-219) + (-219) - 401 + 12$

4/ $4567 + (1234 - 4567) - 4$

5/ $(3567 - 214) - 3567$;

6/ $(-2017) - (28 - 2017)$;

7/ $-(269 - 357) + (269 - 357)$;

8/ $2001 - (53 + 1579) - (-53)$

11/ $(123 + 345) + (456 - 123) - [2017 - (-345)]$

12/ $(17 - 229) + (17 - 25 + 229)$;

13/ $(125 - 679 + 145) - (125 - 679)$

14/ $17 \cdot (15 - 16) + 16 \cdot (17 - 20)$

15/ $15 \cdot (-176) + 15 \cdot 76 + 100 \cdot 15$

16/ $79.89 - 79 \cdot (-11) - 100.79$

17/ $153.177 - 153.77 + 100 \cdot (-77)$

9/ $35 - 17 + 2017 - 35 + (-2017)$

18/ $(-29) \cdot (85 - 47) - 85 \cdot (47 - 29)$

10/ $37 + (-17) - 37 + 77$

19/ $(-167) \cdot (67 - 34) - 67 \cdot (34 - 167)$

20/ $13 - 12 + 11 + 10 - 9 + 8 - 7 - 6 + 5 - 4 + 3 + 2 - 1$

Dạng 2:

Bài 2.3: Tìm x biết:

1/ $x - 5 = -1$;

14/ $-(x + 84) + 213 = -16$

2/ $x + 30 = -4$;

15/ $125 : (3x - 13) = 25$

3/ $x - (-24) = 3$;

16/ $3(2x + 1) - 19 = 14$

4/ $22 - (-x) = 12$;

17/ $175 - 5(x + 3) = 85$

5/ $15 - (4 - x) = 6$;

18/ $2(x - 5) - 3(x + 7) = 14$

6/ $-30 + (25 - x) = -1$;

19/ $3(x - 4) - (8 - x) = 12$

7/ $x - 12 - 25 = -8$;

20/ $-7(3x - 5) + 2(7x - 14) = 28$

8/ $175 - 5(x + 3) = 85$

21/ $x \cdot (x + 3) = 0$;

9/ $200 - (2x + 6) = 4^3$

22/ $(x - 2)(5 - x) = 0$;

10/ $2x - 49 = 5 \cdot 3^2$

23/ $(x - 1)^2 = 1$

11/ $23 + 3x = 5^6 : 5^3$

24/ $7^{2x-6} = 49$

12/ $461 + (x - 45) = 387$;

13/ $11 - (-53 + x) = 97$

Bài 2.4: Tìm các số nguyên x , biết:

a) $x \in B(14)$; $20 < x < 80$

b) $70 : x$; $80 : x$ và $x > 8$

c) $126 : x$; $210 : x$ và $15 < x < 30$

d) $x : 24$; $96 : x$

e) $x : 12$; $x : 25$; $x : 30$ và $0 < x < 500$

f) $2x + 3 : x - 1$

g) $21 + 5 \cdot (x - 2) : 3$ và $17 < x < 25$

Dạng 3: Toán có lời văn:

Bài 3.5: Số học sinh khối 6 của trường là một số tự nhiên có ba chữ số. Mỗi khi xếp hàng 18, hàng 21, hàng 24 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh khối 6 của trường đó.

Bài 3.6: Học sinh của một trường học khi xếp hàng 3, hàng 4, hàng 7, hàng 9 đều vừa đủ hàng. Tìm số học sinh của trường, cho biết số học sinh của trường trong khoảng từ 1600 đến 2000 học sinh.

Bài 3.7: Một tủ sách khi xếp thành từng bó 8 cuốn, 12 cuốn, 15 cuốn đều vừa đủ bó. Cho biết số sách trong khoảng từ 400 đến 500 cuốn. Tìm số quyển sách đó.

Bài 3.8: Bạn Lan và Minh Thường đến thư viện đọc sách. Lan cứ 8 ngày lại đến thư viện một lần. Minh cứ 10 ngày lại đến thư viện một lần. Lần đầu cả hai bạn cùng đến thư viện vào một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì hai bạn lại cùng đến thư viện

Bài 3.9: Lớp 6A có 18 bạn nam và 24 bạn nữ. Trong một buổi sinh hoạt lớp, bạn lớp trưởng dự kiến chia các bạn thành từng nhóm sao cho số bạn nam trong mỗi nhóm đều bằng nhau

và số bạn nữ cũng vậy. Hỏi lớp có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Bài 3.10: Học sinh khối 6 có 195 nam và 117 nữ tham gia lao động. Thầy phụ trách muốn chia ra thành các tổ sao cho số nam và nữ mỗi tổ đều bằng nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất mấy tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 3.11: Cô Lan phụ trách đội cần chia số trái cây trong đó 80 quả cam; 36 quả quýt và 104 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu trái cây mỗi loại?

Bài 3.12: Một đơn vị bộ đội khí xếp hàng 10;12 hoặc 15 đều thừa ra 5 người, biết số người của đơn vị trong khoảng từ 320 đến 400 người. Tính số người của đơn vị đó.

Bài 3.13: Bài toán Ủng hộ miền Trung năm 2020: Một chuyến hàng ủng hộ miền Trung có 300 thùng mì tôm, 240 thùng nước ngọt và 420 lốc sữa. Các cô chú muốn chia thành các phần quà đều nhau về số lượng mì, nước và sữa. Con hãy giúp các cô chú chia sao cho số lượng các phần quà là nhiều nhất.

Bài 3.14: Bài toán Covid tại Sài Gòn: Để phòng chống dịch Covid - 19. TP Hồ Chí Minh đã thành lập các đội phản ứng nhanh bao gồm 16 bác sĩ hồi sức cấp cứu, 24 bác sĩ đa khoa và 40 điều dưỡng viên. Hỏi có thể thành lập nhiều nhất bao nhiêu đội phản ứng nhanh, trong đó các bác sĩ và điều dưỡng viên chia đều vào mỗi đội.

Dạng 4: Hình học

Bài 4.15: Tính chu vi và diện tích các hình sau:

- Hình chữ nhật có chiều dài 12cm và chiều rộng 8cm .
 - Hình vuông có cạnh 6cm .
 - Hình thang cân có độ dài hai đáy là 4cm và 10cm , chiều cao 4cm , cạnh bên 5cm .
 - Hình thoi có cạnh 5cm , độ dài hai đường chéo là 6cm và 8cm .
- Hình bình hành có độ dài hai cạnh là 10cm và 14cm , chiều cao 8cm .

Bài 4.16. Cho hình vuông ABCD cạnh có độ dài 7 cm. Tính chu vi và diện tích của hình vuông ABCD.

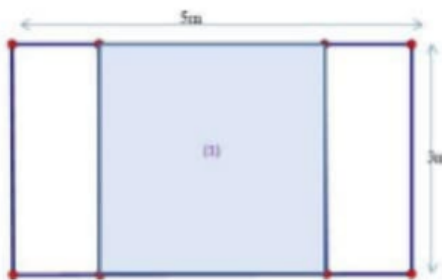
Bài 4.17. Cho mảnh vườn hình vuông cạnh 50m để trồng rau. Hãy tính:

- Diện tích của mảnh vườn
- Độ dài hàng rào bao quanh mảnh vườn đó.

Bài 4.18: Một khu vui chơi trẻ em có hình chữ nhật với chiều dài là 100 m và chiều rộng là 80 m . Người ta cần lắp xung quanh khu vui chơi một hệ thống cột đèn. Nếu giả sử cứ 5 m người ta lắp một cột đèn.

- Hỏi xung quanh khu chơi có bao nhiêu cột đèn?
- Nếu chi phí để lắp một cái cột đèn là 1200000 đồng thì hết bao nhiêu tiền để lắp toàn bộ cột đèn xung quanh khu vui chơi?

Bài 4.19. Một bức tường trang trí phòng khách có dạng hình chữ nhật có chiều dài 5 m , chiều rộng 3 m .



- 1) Tính diện tích của bức tường;
- 2) Người ta muốn dán giấy trang trí có dạng hình vuông (1) có cạnh bằng chiều rộng của bức tường, phần còn lại được dán gỗ.
 - a) Tính số tiền giấy dán tường? Biết rằng giá 1m^2 giấy dán tường là 100.000 đ
 - b) Tính số tiền gỗ, biết gỗ có giá 150.000 đ / 1m^2 .

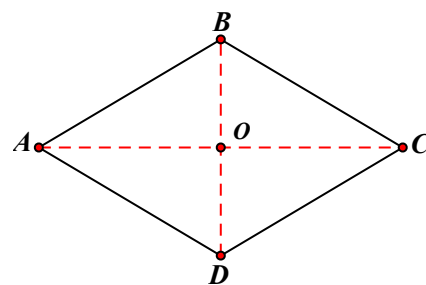
Bài 4.20: Hình thoi $ABCD$ cạnh 5cm có tâm đối xứng O . Biết $OA = 4\text{cm}$, $OB = 3\text{cm}$.

- a) Tính diện tích hình thoi.
- b) So sánh chu vi và diện tích tam giác OAB và tam giác OCD và nhận xét.

Dạng 5 – Một số bài toán nâng cao

Bài 5.21. Tính các tổng sau:

- a) $S_1 = 1 + (-2) + 3 + (-4) + \dots + (-2014) + 2015$;
- b) $S_2 = (-2) + 4 + (-6) + 8 + \dots + (-2014) + 2016$;
- c) $S_3 = 1 + (-3) + 5 + (-7) + \dots + 2013 + (-2015)$;
- d) $S_4 = (-2015) + (-2014) + (-2013) + \dots + 2015 + 2016$
- a) $A = 1 - 3 + 5 - 7 + \dots + 2001 - 2003 + 2005$.
- b) $B = 1 - 2 - 3 + 4 + 5 - 6 - 7 + 8 + \dots + 1993 - 1994$.
- c) $C = 1 + 2 - 3 - 4 + 5 + 6 - 7 - 8 + 9 + \dots + 2002 - 2003 - 2004 + 2005 + 2006$
- d) $D = 1^2 - 2^2 + 3^2 - 4^2 + \dots + 99^2 - 100^2 + 101^2$



Bài 5.22 . a) Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức: $A = |x + 19| + |y - 5| + 1890$

b) Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức: $B = -|x - 7| - |y + 13| + 1945$

Bài 5.23 . Tìm $x, y \in \mathbb{Z}$ biết :

- a) $xy - 3x = -19$;
- b) $3x + 4y - xy = 16$.

Bài 5.24. Tìm $x \in \mathbb{Z}$ biết:

- a) $(x + 1) + (x + 3) + (x + 5) + \dots + (x + 99) = 0$;
- b) $(x - 3) + (x - 2) + (x - 1) + \dots + 10 + 11 = 11$;
- c) $x + (x + 1) + (x + 2) + \dots + 2018 + 2019 = 2019$;

Bài 5.25: Chứng tỏ rằng với mọi số tự nhiên n , các số sau đây là hai số nguyên tố cùng nhau:

- a) $n + 2$ và $n + 3$
- b) $2n + 3$ và $3n + 5$.

Bài 5.26: Tìm số tự nhiên a, b biết $\text{ƯCLN}(a; b) = 4$ và $a + b = 48$.

Bài 5.27: Tìm chữ số tận cùng của các số:

- a) 7^{97}
- b) 14^{1424}
- c) 4^{567} .

Bài 5.28: Tìm số tự nhiên n sao cho:

- a) $4n - 5 : 2n - 1$
- b) $n^2 + 3n + 1 : n + 1$.

-----**HẾT**-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN VĂN 6

I. VĂN BẢN VĂN HỌC

- Nắm được kiến thức lí thuyết về các thể loại văn học, biết cách đọc các văn bản có cùng thể loại ở ngoài chương trình và tạo lập văn bản theo đúng yêu cầu thể loại cụ thể:
- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện ở một văn bản bất kì
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình ảnh, dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật
- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được người kể chuyện ở ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát
- Nhận biết và nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ
- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí hoặc du kí.

II.KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

1. Nêu được khái niệm, đặc điểm, công dụng và cho ví dụ mỗi loại các đơn vị kiến thức.
 2. Phát hiện các đơn vị kiến thức trên, phân tích tác dụng.
- Từ đơn và từ phức (Từ ghép và Từ láy)
 - Từ đồng âm và từ đa nghĩa
 - Nghĩa của từ
 - Các thành phần chính của câu: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ
 - Biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ
 - Đại từ
 - Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ
 - Công dụng của dấu chấm phẩy; dấu ngoặc kép

III. TẬP LÀM VĂN

- Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.
- Viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

IV.LUYỆN TẬP

1. PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1:

I. ĐỌC HIỂU : Đọc kĩ văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu cho bên dưới vào giấy kiểm tra.

DẶN CON

Con lớn lên, con ơi
Yêu đời và yêu người
Yêu tình yêu say đắm
Nghìn năm mặn muối đời;

Yêu tạo vật thiên nhiên
Yêu tổ tiên đất nước
Yêu mộng đẹp nối liền
Tuổi trẻ, già sau trước.

Lòng con rồi tha thiết
- Cha đoán chẳng sai đâu!
Cứ lòng cha cha biết
Yêu người đến khổ đau.

Nhưng con ơi, cha dặn
Trong trái tim vô hạn
Dành riêng chỗ, con nghe
Cho chói ngời tình bạn.

Lớn lên con sẽ rõ
Tình đó chẳng có nhiều
Lại càng nên chăm chút
Cho đời thêm phì nhiêu.

Cha làm thơ dặn con
Mà cũng là tặng bạn
Ôi tình nghĩa vẹn tròn
Chẳng bao giờ nứt rạn.

(Huy Cận, Hạt lại gieo, NXB Văn học, 1984)

Câu 1: Mỗi dòng trong văn bản có mấy tiếng? Chỉ ra cách ngắt nhịp khi đọc văn bản.

Câu 2: Khi đọc, em hình dung trong văn bản hiện lên cuộc trò chuyện giữa những nhân vật nào? Chỉ rõ điều người cha dặn con.

Câu 3: Lời dặn của cha dành cho con được nhấn mạnh bằng biện pháp tu từ nào? Ngoài yêu đời, yêu người, thiên nhiên, tổ tiên, đất nước...người cha còn dặn con dành chỗ cho tình cảm gì?

Câu 4 : Văn bản phù hợp với đặc điểm hình thức của thể loại nào mà em đã học?

Câu 5 : Theo em, người cha muốn khẳng định điều gì qua hình ảnh “trái tim vô hạn”?

Câu 6 : Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 7 : Em học được những gì từ lời dặn con của người cha trong văn bản?

II. VIẾT

Câu 8: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc bài thơ “*Dặn con*” của Huy Cận.

2. PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2:

Phần I. ĐỌC HIỂU Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

CÚN CON

Ngày được mẹ sinh ra, Cún con mắt vẫn còn nhắm tịt. Phải ít hôm sau, cậu ta mới mở mắt và lồm cồm bò quanh mẹ. Tới lúc đã cứng cáp, Cún cứ bò ra, bò vào. Thấy vậy, mẹ Cún mới bảo:

- Con đi ra vườn mà chơi cho vui, cho có bạn, chứ ai lại cứ quanh quẩn một chỗ thế.

Cún con chạy vồng ra vườn. Lúc sau, Cún quay về, hồn hên:

- Mẹ ơi! Mẹ! Khiếp quá!

- Khiếp cái gì hở con?

- Có một thằng, nó ngồi thế này này, mắt lồi, mồm rộng, da sù sì, sù sì...

Mẹ Cún nói ngay:

- À! Đó là bác Cóc. Bác ấy còn nhiều tuổi hơn cả mẹ. Sao con lại gọi thế. Không được gọi tất cả những ai hơn tuổi mình là thằng.

Cún con tiếp tục:

- Vâng, còn một bạn nữa. Buồn cười lắm mẹ ạ. Bạn ấy bò rất tài trên lá cây mà không ngã. Nom đẹp lắm: áo vàng, chấm đỏ, chấm đen, như áo lông ấy!

Mẹ Cún lắc đầu:

- Đó là con Sâu Róm. Không phải bạn đâu.

- Thế ai là bạn hả mẹ?

- Ai tốt đấy là bạn.

- Làm sao con biết được ạ?

- Con cứ nghe họ nói, nhìn việc mà họ làm, chứ đừng chỉ nhìn bộ quần áo, da dẻ của họ.

Cún con lại ra vườn, thấy Sâu Róm đang gặm những chiếc lá non. Cậu ta reo lên:

- Thế thì mình biết rồi. Đó không phải là bạn. Đó là kẻ làm hại cây.

Cún con đi tiếp. Trên cành nhãn, có chú chim gì nho nhỏ hót hay quá. Đúng là bạn rồi!

Cún thích sữa vang. Chú chim nhỏ hót hoảng bay mất. Cún con thù mất. Sao thế nhỉ? Cậu ta lại lon ton về hỏi mẹ.

Mẹ Cún cười:

- Muốn làm quen, muốn chơi với bạn thì phải nhẹ nhàng, nói khe khẽ thôi chứ!

À, còn cần phải như thế nữa cơ đấy. Thế thì Cún đã hiểu rồi. Không ai thích ầm ĩ và gắt gỏng...

(Theo Phong Thu, Những truyện hay viết cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2016, tr.169-170)

Em hãy viết đáp án (từ câu 1 đến câu 8) bằng cách ghi chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất vào bài làm (2,0 điểm).

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu truyện nào?

- A. Truyện vừa B. Truyện dài C. Truyện ngắn D. Truyện đồng thoại

Câu 2. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Cả A và C

Câu 3. Nhân vật chính trong truyện là ai? Có đặc điểm gì?

- A. Là Cún con, ngây thơ, hồn nhiên, ham hiểu biết.
B. Là mẹ Cún con, giàu tình yêu thương, nhẹ nhàng khuyên bảo.
C. Là Sâu Róm, kẻ làm hại cây.
D. Là chú chim nhỏ nhỏ hót hay.

Câu 4. Trình tự sự việc nào sau đây là đúng nhất?

- A. Cún con ra vườn chơi gặp bác Cóc rồi gặp con Sâu Róm và chú chim.
B. Cún con ra vườn chơi gặp con Sâu Róm rồi gặp bác Cóc và chú chim.
C. Cún con ra vườn chơi gặp bác Cóc rồi gặp chú chim và con Sâu Róm.
D. Cún con ra vườn chơi gặp bác Cóc rồi con Sâu Róm và con bướm.

Câu 5. Con vật nào được miêu tả với các đặc điểm “*mắt lồi, mồm rộng, da sù sì*”?

- A. Con Sâu Róm B. Con Cóc C. Con Vẹt D. Con Bướm

Câu 6. Đoạn văn sau đây có mấy từ láy?

“Ngày được mẹ sinh ra, Cún con mắt vẫn còn nhắm tịt. Phải ít hôm sau, cậu ta mới mở mắt và lồm cồm bò quanh mẹ. Tới lúc đã cứng cáp, Cún cứ bò ra, bò vào.”

- A. một B. hai C. ba D. bốn

Câu 7. Từ “*nom*” trong câu văn: “*Vâng, còn một bạn nữa. Buồn cười lắm mẹ ạ. Bạn ấy bò rất tài trên lá cây mà không ngã. Nom đẹp lắm*”, là:

- A. Một động từ chỉ trạng thái. B. Một tính từ chỉ đặc điểm.
C. Một danh từ chỉ sự vật. D. Một động từ chỉ hành động.

Câu 8. Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong truyện “Cún con” là gì?

- A. so sánh B. ẩn dụ C. nhân hóa D. điệp ngữ

Từ câu 9 đến câu 12, em hãy viết câu trả lời của mình vào bài làm.

Câu 9. Trong truyện, mẹ đã khuyên Cún con những gì?

Câu 10. Lời khuyên nào của mẹ đã làm cho Cún con thay đổi hoàn toàn suy nghĩ?

Câu 11. Theo em, mẹ Cún muốn dạy Cún điều gì qua câu nói:

“*Con cứ nghe họ nói, nhìn việc mà họ làm, chứ đừng chỉ nhìn bộ quần áo, da dẻ của họ*”?

Câu 12. Câu chuyện “Cún con” đã mang đến cho em bài học nào khi ứng xử với bạn bè?

Phần II. VIẾT

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em với người bạn thân thiết nhất.

3. PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3:

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Yếu tố quan trọng nhất trong truyện là:

- A. Cốt truyện B. Thời gian C. Không gian D. Nhân vật

Câu 2. Nhân vật Cáo trong văn bản “*Nếu cậu muốn có một người bạn*” là nhân vật của truyện đồng thoại vì

- A. Nhân vật Cáo là con vật đã được nhân cách hóa

- B. Nhân vật Cáo được kể trong sự việc cụ thể là cuộc gặp gỡ với hoàng tử bé
 C. Nhân vật là con cáo đã được nhân cách hóa, vừa mang đặc tính vốn có của loài Cáo vừa mang đặc điểm của con người như suy nghĩ, hành động, tính cách, mong muốn...
 D. Nhân vật có hành động và suy nghĩ như con người

Câu 3. “Chuyện cổ tích về loài người” được Xuân Quỳnh sáng tác theo thể thơ

- A. Năm chữ B. Bảy chữ C. Tám chữ D. Lục bát

Câu 4. Hai dòng thơ: “Những làn gió thơ ngây/ Truyền âm thanh đi khắp” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh B. Ẩn dụ C. Nhân hóa D. Điệp ngữ

Câu 5. Văn bản nào sau đây được kể theo ngôi thứ ba

- A. Bức tranh của em gái tôi B. Bài học đường đời đầu tiên
 C. Những người bạn D. Gió lạnh đầu mùa

Câu 6. Điểm giống nhau giữa nhân vật Cô bé bán diêm trong truyện “Cô bé bán diêm” và nhân vật Hiên trong “Gió lạnh đầu mùa là”:

- A. Đều là đứa trẻ đáng thương con nhà nghèo, không có quần áo ấm trong mùa đông lạnh giá
 B. Là những đứa trẻ nghịch ngợm
 C. Là những đứa trẻ con nhà có điều kiện
 D. Là những đứa trẻ học hành giỏi giang

Câu 7. Khi trình bày bài nói của mình em thường trình bày theo bố cục mấy phần

- A. Hai phần B. Ba phần C. Bốn phần D. Năm phần

Câu 8. Dòng nào sau đây chỉ chứa các từ ghép

- A. Hùng dũng, rung rinh, phành phạch, thoăn thoắt
 B. Hùng cường, chênh chếch, ngơ ngác, mệnh mông
 C. Trần trụi, bông bẻ, hoa hồng, cây cam
 D. Lem nhem, thì thầm, thành thịch, ngộ nghĩnh

Câu 9. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu:

Dòng sông như..... uốn lượn quanh làng.

- A. Tắm tắm B. Dải lụa C. Khu rừng D. Cánh đồng

Câu 10. Hình ảnh “mặt trời” trong câu nào dưới đây là hình ảnh ẩn dụ:

- A. Ông mặt trời
 Đạp xe qua đỉnh núi
 B. Mặt trời xuống biển như hòn lửa
 C. Mặt trời rúc bụi tre
 Buổi chiều về nghe mát
 D. Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

Câu 11. Trong dòng thơ: “Những làn gió thơ ngây”, nhà thơ dùng từ “thơ ngây” để nói về gió. Cách dùng từ này gợi cho em cảm nhận gì về làn gió trong dòng thơ?

- A. Gió mang dáng vẻ thướt tha, yếu điệu
 B. Gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên của trẻ thơ.
 C. Cảm nhận sự mát lạnh của gió
 D. Gió phảng phất, vi vu trong không gian.

Câu 12. Trong văn bản "*Chuyện cổ tích về loài người*", thầy giáo dạy cho bé những điều gì?

- A. Dạy cho trẻ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp giúp trẻ em trưởng thành.
- B. Dạy cho trẻ biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung
- C. Dạy cho trẻ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiền gặp lành, bồi đắp tâm hồn.
- D. Dạy cho trẻ trưởng thành về trí tuệ qua tri thức về thiên nhiên và cuộc sống.

Câu 13. Dòng nào dưới đây nói không đúng nội dung của bài thơ "*Chuyện cổ tích về loài người*"?

- A. Trẻ em mới là người được sinh ra đầu tiên trên trái đất, không phải cha mẹ hay thầy cô giáo.
- B. Trẻ em là sinh ra rất nhỏ bé và yếu đuối, cần được chăm sóc, dạy dỗ và che chở.
- C. Mọi vật sinh ra trên trái đất đều là vì con người, vì trẻ em. Hãy dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất.
- D. Bài thơ là câu chuyện về tình mẫu tử thiêng liêng.

Câu 14: Nhân vật trữ tình trong bài thơ "*Mây và sóng*" là ai?

- A. Mây
- B. Sóng
- C. Người mẹ
- D. Em bé

Câu 15: Bài thơ *Mây và Sóng* gợi cho ta suy ngẫm về điều gì trong cuộc sống?

- A. Thế giới thật bao la với vô vàn những điều hấp dẫn mà ta chẳng thể cảm nhận hết
- B. Niềm vui, hạnh phúc chẳng phải điều gì bí ẩn, xa xôi mà ngay ở chính cõi đời này và do chính con người tạo nên
- C. Để từ chối những cám dỗ trong cuộc đời cần có những điểm tựa vững chắc mà tình mẫu tử là một trong những điểm tựa ấy
- D. Gồm 3 ý A, B và C

Câu 16. Câu "*Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.*" có mấy cụm danh từ:

- A. Một cụm danh từ
- B. Hai cụm danh từ
- C. Ba cụm danh từ
- D. Bốn cụm danh từ

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

Hai bàn tay của ta giống như những người bạn thân, luôn chia sẻ với ta mọi vui buồn trong cuộc sống. Bạn cứ ngẫm mà xem, có phải khi bạn mừng rỡ hay phấn khích, hai bàn tay hăng hái vỗ vào nhau để nhân đôi niềm vui trong lòng bạn. Khi bạn khóc, hai bàn tay lại thay phiên nhau kiên trì lau khô những giọt lệ lăn tròn trên gò má bạn. Hai bàn tay lúc đó giống như những chú chim vàng anh trong cổ tích, cần mẫn tha từng hạt cườm long lanh trên mặt bạn đem gửi vào nắng, vào gió, vào mưa để một chốc sau sự tươi tỉnh lại nhuộm hồng gương mặt mới đây còn tái xanh của bạn

(Trích "*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*", Nguyễn Nhật Ánh)

- a. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?
- b. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng chủ yếu trong đoạn trích?

c. Em hãy viết từ 2-3 câu văn chia sẻ cảm nhận của em về đôi bàn tay của người mà em yêu quý nhất

Câu 2.

Em hãy viết một bài văn tả một cảnh sinh hoạt mà mình đã chứng kiến hoặc tham gia.

-----HẾT-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN TIẾNG ANH 6

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

Unit	Phonetics	Vocabulary & Grammar	Skills
Unit 1: My new	/a:/ and /ʌ/	- School things and activities - Verbs (play, do, have, study) - Present simple - Adverbs of frequency	Reading Writing
Unit 2: My house	/b/ and /p/	- Types of house - Possessive case - Prepositions of place	Reading Writing
Unit 3: My friends	/s/ and /z/	- Rooms and furniture - Present continuous	Reading Writing
Unit 4: Our neighborhood	/ɪ/ and /i:/	- Places in the neighborhood - Comparison of 2 things with comparative adjectives - Giving direction	Reading Writing
Unit 5: Natural wonders of Vietnam	/t/ and /d/	- Natural and travel items - Countable and uncountable nouns: <i>a/ an/ some/ any, much/ many</i> - Modal verb <i>must</i> and <i>mustn't</i> to give order	Reading Writing
Unit 6: Our Tet holiday	/s/ and /ʃ/	- Activities at Tet holiday - <i>Should</i> or <i>shouldn't</i> for advice - <i>Some/ any</i> for amount	Reading Writing

LUYỆN TẬP

A. PHONETICS

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the other three in each question.

- | | | | |
|-----------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|
| 1. A. w <u>ri</u> tes | B. m <u>a</u> kes | C. t <u>a</u> kes | D. d <u>r</u> ives |
| 2. A. b <u>o</u> xes | B. c <u>a</u> kes | C. l <u>a</u> kes | D. h <u>a</u> tes |
| 3. A. cl <u>i</u> mb | B. b <u>a</u> lcony | C. cl <u>u</u> b | D. b <u>a</u> rbecue |
| 4. A. c <u>o</u> ffee | B. s <u>ee</u> | C. a <u>g</u> ree | D. f <u>r</u> ee |
| 5. A. c <u>i</u> ty | B. c <u>a</u> thedral | C. c <u>e</u> ntral | D. c <u>i</u> inema |

- | | | | |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| 6. A. calculat <u>or</u> | B. classmat <u>e</u> | C. f <u>a</u> st | D. f <u>a</u> ther |
| 7. A. bed <u>s</u> | B. clock <u>s</u> | C. cap <u>s</u> | D. light <u>s</u> |
| 8. A. s <u>e</u> a | B. s <u>u</u> gar | C. s <u>a</u> nd | D. s <u>u</u> ch |
| 9. A. pleas <u>e</u> | B. s <u>o</u> me | C. s <u>i</u> ster | D. s <u>e</u> e |
| 10. A. s <u>u</u> mm <u>e</u> r | B. sh <u>y</u> | C. s <u>m</u> ile | D. s <u>e</u> ll |

II. Odd one out

- | | | | |
|--------------|-------------|-----------|-------------|
| 1. A. sofa | B. chair | C. toilet | D. table |
| 2. A. cousin | B. mother | C. father | D. brother |
| 3. A. better | B. smaller | C. worker | D. hotter |
| 4. A. island | B. mountain | C. bay | D. building |
| 5. A. must | B. have | C. should | D. can |

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the word of phrase that best completes each sentence below.

- There will be a lot of _____ in our school this winter.
A. action B. activities C. activity D. active
- There isn't any still house _____ this village.
A. in B. on C. between D. of
- Mr Quang is my favorite teacher. He _____ me English.
A. teach B. teaches C. teaches D. teaching
- Phong _____ breakfast at the moment.
A. has B. is having C. are having D. is have
- My brother and I _____ our homework every night.
A. do B. does C. is doing D. is do
- Are there _____ flowers in the garden?

A. a B. an C. any D. this
- Are you and Nam students? – Yes, _____ are.

A. We B. they C. you D. I
- _____ Mai have literature on Friday?
A. Does B. Do C. Is D. Are
- Nam's sister _____ the piano at the moment.

A. plays B. play C. are playing D. is playing
- Mi's school is a _____ school. She studies and lives there.
A. international B. town C. country D. boarding

9. My friends _____ judo after school.
A. have B. play C. do D. study
10. Trung wants to become a musician. He thinks it is the _____ job in the world.
A. good B. more good C. better D. best
11. “_____” “He is of medium height, with black hair and dark skin”
A. What is your new friend like? B. What does your new friend look like?
C. How is your new friend? D. What does your new friend like ?
12. Lan has _____ hair.
A. long black curly B. long curly black C. black long curly D. curly long black
13. It’s raining heavily outside, so we _____ go out.
A. will B. should C. shouldn’t D. can
14. Lan is very _____. She always entertains us with jokes and stories
A. confident B. funny C. caring D. hard-working
15. I always _____ my parents a long and happy life.
A. make B. wish C. celebrate D. have
16. This building is _____ than that one.
A. beautifuler B. beautiful C. more beautiful D. most beautiful
17. The road is _____ than the motorway.
A. narrow B. narrower C. more narrow D. narrowest
18. Can you pass me _____ salt, please?
A. some B. a C. many D. a few
19. _____ cheese cubes have you got in the box?
A. How many B. How much C. How any D. How some
20. She must _____ attention during the lesson.
A. pays B. pay C. paying D. paies
21. Water _____ at 100 degree Celsius.
A. boil B. will boil C. boils D. is boiling
22. - Do you finish packing?
- Yes. All my things are in my _____.
A. back B. back pack C. backpack D. plaster
23. I have _____ questions to ask you
A. a few B. a little C. much D. any
24. There are two bedrooms in _____ flat.
A. my sister B. my sister’s C. my sister’ D. sister
25. Is there _____ sugar left in your house?
A. any B. some C. many D. a few
26. Look! The girls are _____ rope in the playground.
A. dancing B. playing C. skipping D. doing
27. - “What are you doing this afternoon?”
- “I don’t know, but I’d like to _____ swimming.”
A. have B. do C. play D. go
28. _____ nothing to do at the moment to make it better.
A. There are B. There do C. There is D. There does
29. My house _____ a beautiful garden, but it _____ is a big balcony with many flowers.

- A. doesn't have, has C. has, doesn't have
 B. isn't having, is having D. is having, isn't having
 30. I _____ reading books because they make me feel happy and relaxed.
 A. love B. am loving C. loves D. will love

II. Supply the correct form of the verbs in the brackets:

1. He (not go) _____ to the movies on Sunday nights.
2. I (do) _____ the housework at the moment.
3. His mother (cook) _____ in the kitchen now.
4. What Mai (do) _____ now? – She (play) _____ volleyball in the garden with her sister.
5. The teacher (read) _____ the dialogue at moment and we (listen) _ to her.
6. What _____ your father (do) _____ now?- He (read) _ a newspaper in the living room.
7. Minh (play) _____ soccer every Sunday.
8. What time _____ you (go) _____ to bed?
9. How _____ she (travel) _____ to work? - She (walk) _____ to work.
10. Her mother (be) _____ a doctor. She (work) _____ in a hospital.
11. Their father (work) _____ in a factory.
12. She (play) _____ the violin very well.
13. The girls (like) _____ ice cream very much.
14. Mr. John (have) _____ a restaurant.
15. These students (study) _____ English now.
16. Our mother (go) _____ to work every day.
17. I (read) _____ an interesting book now.
18. Listen! I think the phone (ring) _____.

III. Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. My friend Daisy is very smart. She is good at Maths and Science
 A. clever B. lazy C. friendly D. hard-working
2. The box is in front of the flower vase.
 A. behind B. opposite C. next to D. below

IV. Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. I can't buy that dress because it's too expensive.
 A. beautiful B. cheap C. dirty D. nice
2. Go along the street and take the second right turn.
 A. back B. along C. straight D. left

V. Choose the underlined part that needs correcting in each sentence below.

1. Hoa is sitting among Lan and Cuong at the moment.
 A. is sitting B. among C. and D. at the moment
2. There are an atlas, a book, a notebook, a computer and a pen on the table.
 A. are B. an C. and D. on the table
3. Which river is long, the Red River or the Mekong River?
 A. Which B. long C. the D. or

4. Students must copy their classmates' work.

A. Students B. must C. classmates D. work

5. Could you get me some stamp, please?

A. Could B. get C. some D. stamps

C. READING

I. Choose the correct answer A, B, C, or D for each of the gaps to complete the following text.

OAK CITY

Oak City is a great city. There's so (1)_____ to do! There are cinemas, park and discos. It's got some great clothes and music shops (2)_____. Oak City is very modern and beautiful. There aren't any (3)_____ buildings and there's some beautiful (4)_____ around the city. Is there any pollution in Oak City? There isn't much pollution (5)_____ there isn't much traffic. Everyone travels (6)_____ bike and walks, so there aren't many accidents.

No one works, so everyone has got a lot of free time. Are there any unfriendly people in

Oak City? No – so come and spend a little time here!

- | | | | |
|-----------------|------------|-------------|---------------|
| 1. A. much | B. many | C. some | D. any |
| 2. A. neither | B. either | C. too | D. so |
| 3. A. beautiful | B. ugly | C. pretty | D. unpleasant |
| 4. A. scenery | B. scene | C. view | D. sight |
| 5. A. so | B. because | C. although | D. if |
| 6. A. on | B. in | C. with | D. by |

II. Read the passage and decide whether the sentences are True (T) of False (F).

This writing is about my best friend, Mai. We go to the same school and we've been together for three years. Mai is very pretty. She has short black hair and big brown eyes. She is clever and hard-working but she is also very funny. She makes jokes and we all laugh. She loves reading and writing short poems. I like being with her. We often do our homework together and she helps me a lot. I also like her because she knows a lot about astronomy and we can chat about it for hours. At the moment we're making a Space minibook. We're doing a lot of searching on the Internet. This Saturday we're going to the National Museum to take some photos for our project. Then we're watching a new film on the Disney channel together. It's going to be fun!

T / F

- | | |
|---|-------|
| 1. Phuc and Mai are studying in the same school. | _____ |
| 2. Mai has long black hair and big eyes. | _____ |
| 3. She is clever, hard-working, and funny. | _____ |
| 4. She likes writing short stories. | _____ |
| 5. Phuc and Mai are making a mini book on geography now. | _____ |
| 6. They search for information in library books. | _____ |
| 7. They are going to the museum to take photos for their project. | _____ |
| 8. After that they will go to the cinema together. | _____ |

III. Read the following passage and answer the questions

DA NANG

Da Nang has a population of nearly 800,000 people. The Han River flows through the city. The city part on the east bank is newer and more spacious. The city part on the west bank is more crowded. There are five bridges across the river. The Han River Bridge is the newest one now.

The cost of living in Da Nang is the lowest in Central Viet Nam. Da Nang has many beaches. Among them, Non Nuoc Beach is one of the most beautiful beaches in the world. But walking in the streets on a summer afternoon is not a good idea in Da Nang. There are not many trees so there are not many shadows. It is often very hot at noon.

Question:

1. What is the population of Da Nang?

2. Which part of the city is more spacious?

3. Which part of the city is more crowded?

4. Which bridge is the newest?

5. What is Non Nuoc Beach like?

IV. Read the description of Jim's bedroom. Then choose the best answer.

MY DREAM HOUSE

A tree house is my most favourite house. It is on a tree, of course. But it is under the big branches of leaves. It's made of wood. There is a big glass window on the roof. I can watch the birds inside the trees through that. There is a ladder from the ground to the floor of the house. I can run up and down it. The house is small, so I put no table and chair there. I like to store my favourite toys in the house. It's also a wonderful hideaway place. I can play hide and seek with my friends after school.

1. *What is the passage about?*

- A. A house in the boy's dream
- B. The boy's favourite house
- C. Building a tree house

2. *What is the material of the house?*

- A. Leaves
- B. Wood
- C. Glass

3. *What does the word 'it' in line 4 mean?*

- A. the ladder
- B. the ground
- C. the floor

4. *What are there in the tree house?*

- A. Nothing
- B. Table and chair
- C. Toys

5. *What does the boy like doing most with the tree house?*

- A. Watching birds from the house
- B. Playing with his favourite toys
- C. Hiding from his friends

D. WRITING

I. Reorder the words and/or phrases to make complete sentences

1. What / you / do / to / are / going / ? /

→

2. Hoa / What / does / do / time / in / her / free / ? /

→

3. is / He / soccer / playing / now / . /

→

4. bigger/ An/ is/ bear/ than/ elephant/ a/.

→

5. should/ the door/ You/ before/ knock/ entering/.

→

II. Make the sentence using the suggested words

1. Before Tet/ Vietnamese/ clean/ house/ and/ decorate/ with/ peach/ flowers.

→

2. Children/ should/ behave/ well/ and/ shouldn't/ break/ things/ at Tet.

→

3. She/ have/ long/ brown/ hair/ and/ green/ eyes.

→

4. Our/ house/ opposite/ department store.

→

5. My house/ have/ three bedrooms/ two bathrooms/ a living room/ a kitchen.

→

III. Make question for the underlined part

1. _____ ?

To get to the nearest supermarket, go straight along the street for five minutes. It's on your left.

2. _____ ?

My mother is warm-hearted and kind.

3. _____ ?

My best friend is tall and thin.

4. _____ ?

Mount Fansipan is higher than any mountain in Viet Nam.

5. _____ ?

My village is quiet and peaceful because it is by a river and very far from the main roads.

II. Rewrite the sentence which has the similar meaning with the old one

1. The sofa in the living room is big.

→ There _____. (IS)

2. I have two chairs in my room.

→ There _____. (ARE)

3. There is a small fridge beside the cupboard.

→ There is a small fridge _____. (NEXT)

4. She is a girl with long hair. → She _____. (HAVE)

5. You ought to buy fresh flowers to decorate the house at Tet.

→ You _____. (SHOULD)

6. Your book is not as thick as mine.

→ My book _____. (THICKER)

7. It is less convenient to live in the suburbs than in the city centre.

→ Life in the city center is _____.

(MORE)

8. There are more high buildings in your city than in my city.

→ Your city is _____.

(MODERN)

_____The end_____

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 MÔN LỊCH SỬ

I. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

1. Vì sao phải học lịch sử? (Chương 1)

- Biết phân biệt các nguồn sử liệu: Tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết
- Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: Thập kỉ, thế kỉ, TNK, TCN, âm lịch, dương lịch

2. Xã hội nguyên thủy (Chương 2)

- Các giai đoạn tiến hóa của loài người
- Mô tả sơ lược về các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy
- Tác dụng của công cụ lao động bằng kim loại với sự tan rã của xã hội nguyên thủy

3. Xã hội cổ đại (Chương 3)

- Trình bày quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập, Lưỡng Hà
- Nêu được điểm chính về chế độ xã hội Ấn Độ cổ đại
- Nhận biết được thành tựu văn hóa cơ bản của các quốc gia cổ đại: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hi Lạp, La Mã

4. Đông Nam Á từ đầu đến thế kỉ X (Chương 4)

- Nêu được tên gọi một số quốc gia sơ kì và phong kiến (đến thế kỉ X) Đông Nam Á
- Trình bày được hoạt động kinh tế chính của các quốc gia Đông Nam Á đến thế kỉ X

5. Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc (Chương 5)

- Nêu được khoảng thời gian thành lập, xác định phạm vi không gian của nhà nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.
- Mô tả đời sống vật chất, tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc

* CÂU HỎI

Bài 1: Hãy phân loại các tư liệu lịch sử sau: Mộc bản triều Nguyễn, Bia Vĩnh Lăng (Thanh Hóa), Truyền thuyết con rồng cháu tiên, Đầu rồng ở Hoàng thành Thăng Long, Truyền thuyết Thánh Gióng, Truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thủy, Hôi kí Đường tới Điện Biên (Võ Nguyên Giáp), Nhật ký Đặng Thùy Trâm, Lời kể của Đại Tướng Võ Nguyên Giáp về chiến dịch Điện Biên Phủ.

Loại tư liệu	
Tư liệu truyền miệng	

Tư liệu chữ viết	
Tư liệu hiện vật	
Tư liệu gốc	

Bài 2: Hãy so sánh điểm khác biệt về vị trí hình thành quốc gia, hoạt động kinh tế chính và thể chế chính trị giữa hai nhóm các quốc gia cổ đại Phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc cổ đại) và các quốc gia cổ đại phương Tây (Hi Lạp, La Mã)

	Ai cập – Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc cổ đại (Phương Đông)	Hi Lạp – La Mã cổ đại (Phương Tây)
Vị trí hình thành quốc gia		
Hoạt động kinh tế chính		
Thể chế chính trị		

Bài 3: Hoàn thành bảng biểu bên dưới

Thành tựu văn hóa	Ai Cập cổ đại	Ấn Độ cổ đại	Hi Lạp – La Mã cổ đại
1. Lịch			
2. Chữ viết			
3. Toán			

Bài 4: Thống kê các thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc của các quốc gia cổ đại: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hi Lạp, La Mã

Bài 5: Vẽ sơ đồ nhà nước Văn Lang và giải thích cấu trúc và các chức năng của từng chức vụ

Bài 6: Em hãy trình bày ngắn gọn đời sống vật chất (ăn, mặc, ở) và đời sống tinh thần (Phong tục, tập quán) của cư dân Văn Lang – Âu Lạc

Bài 7: Hãy vẽ trục thời gian thể hiện các sự kiện lịch sử dưới đây theo đúng trình tự

Năm 40: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ.
 Năm 2000 TCN: Đã tìm thấy những mẫu xỉ đồng thuộc văn hoá Phùng Nguyên.
 Năm 938: Chiến thắng Bạch Đằng.
 Năm 179 TCN: Triệu Đà chiếm được nước Âu Lạc.
 Năm 1930: Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.
 Năm 1975: Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
 Năm 1010: Lý Công Uẩn ban *Chiếu dời đô*.

MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (Luyện tập)

Bài 1: Các sự kiện sau được ghi theo năm Âm lịch hay Dương lịch?

STT	Sự kiện	Âm lịch	Dương lịch
1	Ngày 2 tháng 1 năm Mậu Tuất: Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ		
2	Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội)		
3	Ngày 5 tháng 1 năm Kỷ Dậu (1789): Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa		
4	Tháng 2 năm Canh Tý: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ		
5	Ngày 30 tháng 4 năm 1975: Chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi		

Bài 2: Hãy điền con số chính xác vào chỗ trống (....) trong các câu sau

- Nhà nước Âu Lạc thành lập khoảng năm 208 TCN, cách năm hiện tại năm.
- Khởi nghĩa Mai Thúc Loan bùng nổ năm 713, cách năm hiện tại năm.
- Quân Nam Hán sang xâm lược nước ta lần thứ nhất cách năm 2021 là 1091 năm, đó là vào năm
- Nhà nước Văn Lang – Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN, cách năm hiện tại..... thế kỉ
- Năm 40, Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn, năm đó thuộc Thiên niên kỉ

Bài 3: Hãy điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống (....) trong các câu sau:

Khoảng 3500 năm TCN, con người đã phát hiện ra (1)và dụng để chế tạo công cụ. Nhờ có công cụ bằng....., người ta làm ra không chỉ đủ ăn mà còn có của cải (2)

Một số người lợi dụng chức phận để (3) của dư thừa. Một số khác có khả năng lao động tốt. Họ trở thành những người giàu có hơn người khác. Xã hội nguyên thủy dần (4), nhường chỗ cho xã hội có (5) xuất hiện.

Bài 4: Hãy ghép cột A và cột B sao cho phù hợp với nội dung lịch sử

Cột A	Cột B
1. Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á	a. gia vị và hương liệu.
2. Kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á	b. phát triển trên nền tảng của các quốc gia sơ kì.
3. Buôn bán bằng đường biển	c. được hình thành từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII.
4. Các mặt hàng chủ yếu trao đổi với thương nhân nước ngoài là	d. thông qua các thương cảng sầm uất.

MÔN ĐỊA LÝ

PHẦN 1. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI

* Bài 6. Trái Đất trong hệ Mặt Trời

- Trình bày những đặc điểm về Hệ Mặt Trời.
- Mô tả hình dạng, kích thước của Trái Đất

* Bài 7. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả

- Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vực), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.

* Bài 8. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả

- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

2. CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT – VỎ TRÁI ĐẤT

* Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất – Các mảng kiến tạo

- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp và đặc điểm các lớp về trạng thái, độ dày và nhiệt độ.

* Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi

- Phân biệt được quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.

* Bài 12: Núi lửa và động đất

- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân hình thành của núi lửa và động đất.

*** Bài 13: Các dạng địa hình chính trên bề mặt Trái Đất. Khoáng sản**

- Kể tên các dạng địa hình chính trên bề mặt Trái Đất và lấy ví dụ một số địa hình ở Việt Nam

3. Bài tập và thực hành:

- So sánh (tính) được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất
- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau

PHẦN 2. LUYỆN TẬP

Bài 1: Khoanh tròn vào đáp án đúng:

Câu 1: Vào thời cổ đại, hầu hết con người đều nghĩ Trái Đất có hình dạng

- A. không xác định được.
- B. là một mặt phẳng.
- C. có hình khối cầu.
- D. là một hình vuông.

Câu 2: Ai là người đưa ra bằng chứng Trái Đất hình cầu

- A. A-ri-xtốt.
- B. Ga-li-lê.
- C. Cô-lôm-bô.
- D. Ma-gie-lăng.

Câu 3: Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. 2.
- B. 4.
- C. 1.
- D. 3.

Câu 4: Nguyên nhân Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể phát sinh và phát triển là do

- A. Trái Đất tự quay quanh trục và quanh Mặt Trời.
- B. hình dạng khối cầu của Trái Đất.
- C. khoảng cách của Trái Đất đến Mặt Trời.
- D. chỉ có Mặt Trời có khả năng tự phát sáng.

Câu 5: Nhận định nào sau đây **chưa** chính xác về hệ Mặt Trời?

- A. Nằm ở trung tâm của hệ Mặt Trời là Trái Đất.
- B. Các hành tinh vừa tự quay vừa quay quanh Mặt Trời.
- C. Thiên hà có chứa hệ Mặt Trời gọi là dải Ngân Hà.
- D. Chỉ có Mặt trời tự phát sáng trong hệ Mặt Trời.

Câu 6: Nơi nào sau đây **không** có sự chênh lệch giữa ngày và đêm?

- A. Xích đạo.
- B. Vòng cực.
- C. Hai cực.
- D. Chí tuyến.

Câu 7: Nhận định nào sau đây **không** đúng?

- A. Khi bán cầu Bắc là mùa xuân thì bán cầu Nam là mùa thu.
- B. Nguyên nhân sinh ra là trục Trái Đất không đổi phương.
- C. Mùa hè là mùa nhận được lượng nhiệt nhiều nhất.
- D. Nguyên nhân sinh ra là do Trái Đất tự quay quanh trục

Câu 8: Ở Việt Nam vào khoảng thời gian từ 21 /3 đến 22/6 sẽ là mùa nào?

- A. Mùa thu.
- B. Mùa đông.
- C. Mùa xuân.
- D. Mùa hạ.

Câu 9: Do trục Trái Đất có độ nghiêng không đổi khi chuyển động trên quỹ đạo nên sinh ra hệ quả

- A. sự luân phiên ngày đêm.
- B. ngày đêm dài ngắn khác nhau.
- C. giờ trên trái đất khác nhau.
- D. các mùa ở 2 bán cầu như nhau.

Câu 10: Nhận định nào sau đây đúng khi nói về mùa đông ở bán cầu Bắc?

A. Ngày ngắn hơn đêm.

B. Mặt Trời đang ở nửa cầu Bắc.

C. Ngày dài hơn đêm.

D. Mặt trời đang ở xích đạo.

Bài 2: Nối thông tin phù hợp

AN PHÂN VÂN VỀ VIỆC NỐI THÔNG TIN HAI BÊN VỚI Ô GIỮA. EM HÃY GIÚP BẠN NHÉ

1. Xây ra ở bên trong Trái Đất

NỘI SINH

5. Tạo ra các hẻm vực

2. Xây ra ở bên ngoài Trái Đất

6. Làm bề mặt bớt gồ ghề

3. Các mảng kiến tạo dịch chuyển

NGOẠI SINH

7. Tạo nên các nếp uốn

4. Làm san bằng bề mặt TĐ

8. Hình thành nên đồng bằng bồi tụ

Bài 3: Chơi trò chơi ô chữ, tìm các từ khóa có trong chương 2.



Bài 4: Giải bóng đá ngoại hạng Anh diễn ra ở thành phố Luân Đôn nước Anh lúc 19 giờ ngày 18/11/2021. Vậy ở các địa điểm ở Hà Nội (Việt Nam), Xơ-un (Hàn Quốc) Mat-xơ-va (Nga) thì phải bật tivi lúc mấy giờ và ngày bao nhiêu?

-----**HẾT**-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN KHTN 6

1. Phân môn Sinh

Phần I: Kiến thức trọng tâm

Câu 1: Cấu tạo, CN các TP chính của TB.

Câu 2: Sự phân chia TB diễn ra như thế nào, ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản TB

Câu 3: Nêu các cấp độ tổ chức cơ thể, lấy ví dụ cho cấp độ mô, cơ quan, hệ cơ quan ở cơ thể người

Câu 4: Nêu tên các đơn vị PLTV từ thấp đến cao

Câu 5: SV được phân chia thành những giới nào

Cho các loài SV sau: trùng roi, cá mập, cây bàng, con voi, xoắn khuẩn, nấm hương, cây rêu tường. Em hãy sắp xếp các loài trên vào các giới cho phù hợp.

Câu 6: Sự đa dạng, cấu tạo, vai trò của VK. Một số bệnh do VK gây nên (bệnh tả, bệnh nhiễm khuẩn da, bệnh lao phổi)

Phần II: Câu hỏi minh họa

1. Các nhà khoa học đã phân loại sinh vật thành các đơn vị phân loại khác nhau từ lớn đến nhỏ, lần lượt là:

- A. Giới, lớp, bộ, họ, chi, loài, ngành.
- B. Giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài.
- C. Giới, ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài.
- D. Ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài, giới.

2. Em hãy cho biết trùng biến hình thuộc giới sinh vật nào?

- A. Giới Nấm.
- B. Giới Thực vật.
- C. Giới Động vật.
- D. Giới Nguyên sinh vật.
- E. Giới Khởi sinh.

3. Mô là gì?

- A. Tập hợp nhiều cơ quan có chức năng giống nhau
- B. Tập hợp nhiều hệ cơ quan có chức năng giống nhau
- C. Tập hợp nhiều tế bào có chức năng giống nhau
- D. Tập hợp toàn bộ các tế bào trong cơ thể

4. Tim thuộc cấp độ nào của cơ thể ?

- A. Tế bào
- B. Mô
- C. Cơ quan
- D. Cơ thể

5. Mô nào sau đây tạo nên tim?

- A. Mô cơ
- B. Mô liên kết
- C. Mô biểu bì da
- D. Mô thần kinh

6. Ghép tên mỗi cơ quan của cây phù hợp với chức năng và ghi vào cột KQ

Kết quả	Cơ quan	Chức năng
	A. Rễ	1. Nâng đỡ cơ thể, vận chuyển chất dinh dưỡng
	B. Thân	2. Tổng hợp chất dinh dưỡng cho cơ thể
	C. Lá	3. Hút nước, chất khoáng cho cơ thể
	D. Hoa	4. Tạo ra quả, hạt

7. Dãy các SV nào sau đây gồm toàn ĐV đơn bào

- A. Tảo tiểu cầu, trùng roi xanh, trùng biến hình, con mèo con
- B. Voi, sư tử, sán dây, dương xỉ sừng hươu, thủy tức, ...
- C. Trùng khuẩn, xoắn khuẩn, phẩy khuẩn, tụ cầu khuẩn, cây rêu
- D. Trùng khuẩn, xoắn khuẩn, trùng roi xanh, trùng biến hình.

8. Tế bào nhân sơ có ở cơ thể sinh vật nào

- A. Vi khuẩn
- B. Động vật
- C. Thực vật
- D. Virut

9. Cho các bộ phận sau đây

- 1. Nhân chuẩn
- 2. Màng tế bào
- 3. Vách tế bào
- 4. Tế bào chất
- 5. Lục lạp
- 6. Ti thể
- 7. Không bào

Tế bào thực vật có mấy bộ phận trong số các bộ phận đã cho

- A. 3
- B. 5
- C. 6
- D. 7

10. Một tế bào mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 6 lần. Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu ?

- A. 64 tế bào
- B. 8 tế bào
- C. 16 tế bào
- D. 32 tế bào

11. Sự phân chia của tế bào có liên quan mật thiết đến quá trình nào dưới đây ?

- A. Sinh sản
- B. Trao đổi chất
- C. Cảm ứng

- D. Trao đổi chất và cảm ứng
12. Bộ phận nào sau đây thuộc cấp độ cơ quan
- A. Dạ dày
B. Toàn bộ cơ thể người
C. Các tế bào cơ tim
D. Hệ tiêu hóa
13. VK nào dưới đây gây bệnh nhiễm khuẩn da
- A. Tụ cầu vàng
B. Phẩy khuẩn tả
C. Vi khuẩn lao
D. Vi khuẩn uốn ván
14. Sự sinh sản của TB có ý nghĩa:
- A. tăng số lượng TB
B. thay thế các TB già yếu, TB chết, TB bị tổn thương
C. giúp cơ thể lớn lên
D. tất cả các đáp án đều đúng

2. PHÂN MÔN VẬT LÝ

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Các phép đo: Đo chiều dài; Đo thể tích; Đo khối lượng; Đo thời gian; Đo nhiệt độ.

- Đơn vị, đổi đơn vị
- Dụng cụ đo
- Giới hạn đo (GHĐ), Độ chia nhỏ nhất (ĐCNN)
- Cách đo

2. Lực

- Định nghĩa
- Tác dụng
- Đơn vị
- Dụng cụ
- Các đặc trưng của lực
- Phân biệt lực tiếp xúc - lực không tiếp xúc

II. BÀI TẬP

1. Dạng 1: Đổi đơn vị

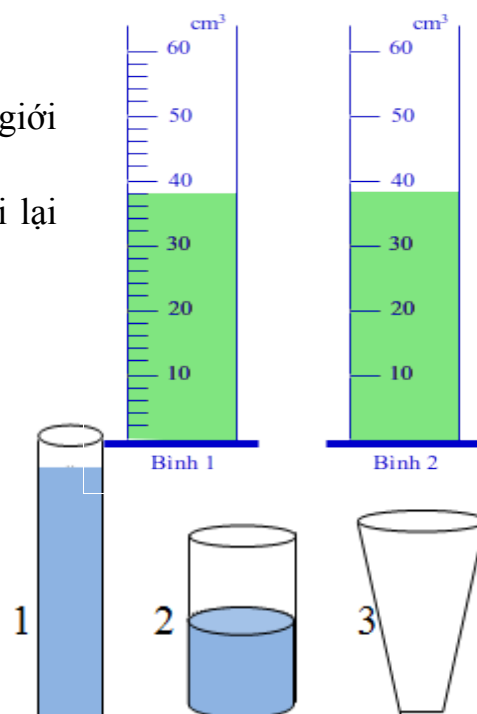
Câu 1. Tìm số thích hợp điền vào các chỗ trống dưới đây:

- a. $1,5\text{m} = \dots\dots\dots\text{dm}$; $2,5\text{m} = \dots\dots\dots\text{cm}$
 $4,5\text{cm} = \dots\dots\dots\text{mm}$; $3,5\text{km} = \dots\dots\dots\text{m}$
b. $7\text{m}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{lít} = \dots\dots\dots\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{ml} = \dots\dots\dots\text{cc}$
c. $2\text{ tấn} = \dots\dots\dots\text{tạ} = \dots\dots\dots\text{kg}$
 $3\text{kg} = \dots\dots\dots\text{lạng} = \dots\dots\dots\text{g}$
d) $2,5\text{ lít} = \dots\dots\dots\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$ h) $850\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg} = \dots\dots\dots\text{lạng}$
e) $15,4\text{m} = \dots\dots\dots\text{mm} = \dots\dots\dots\text{km}$ i) $0,75\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn} = \dots\dots\dots\text{g}$
g) $7,52\text{ lít} = \dots\dots\dots\text{cc} = \dots\dots\dots\text{m}^3$ k) $25\text{m} = \dots\dots\dots\text{cm} = \dots\dots\dots\text{km}$

2. Dạng 2: Đọc kết quả đo, lựa chọn dụng cụ đo phù hợp

Câu 2.

- Quan sát bình chia độ ở hình bên và cho biết giới hạn đo, độ chia nhỏ nhất của mỗi bình.
- Người ta đổ chất lỏng vào 2 bình. Em hãy ghi lại kết quả thể tích chất lỏng đo được ở mỗi bình.



Câu 3. Hình bên có ba bình thủy tinh, trong đó có hai bình đều đựng 1 lít nước. Hỏi khi dùng bình 1 và bình 2 để chia độ cho bình 3 dùng bình nào để chia độ sẽ chính xác hơn? Tại sao?

Câu 4. Một người cầm một can 3 lít đi mua nước mắm, người bán hàng chỉ có loại can 5 lít không có vạch chia độ. Hỏi người bán hàng phải đong như thế nào để người đó mua được:

- 1 lít nước mắm
- 2 lít nước mắm.

Câu 5. Để đo diện tích của 1 thửa ruộng có kích thước khoảng 10 x 15 (m), bạn A dùng thước xếp có GHĐ 1m, bạn B dùng thước cuộn có GHĐ 20m. Theo em, dùng thước nào sẽ cho kết quả chính xác hơn?

Câu 6. Hãy chọn thước phù hợp (cột bên phải) để đo các đối tượng (cột bên trái):

Đối tượng	Thước
Chiều dài lớp học	Thước cuộn
Diện tích của sân	Thước kẻ
Chiều cao của người	Thước xếp
Đường kính của ruột bút bi	Thước dây
Chu vi miệng cốc	Thước kẹp
Chi tiết máy	

3. Dạng 3: Bài tập về lực

Câu 7. Tìm từ thích hợp trong khung để điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu sau:

- Một thuyền buồm khi có gió thuyền sẽ chịu (1) của một lực

- Tương tác
- Hút
- Đẩy
- Tác dụng
- Lực cản
- Lực
- Lực đẩy
- Biến dạng
- Biến đổi chuyển động

(2) của gió làm thuyền chuyển động. Nếu gió ngừng thổi khi đó thuyền không chịu (3) của gió. Thuyền chuyển động chậm dần do (4) của nước.

b. Để làm cho quả bóng đang đứng yên chuyển động thì ta phải (5)..... lên quả bóng một (6).....

c. Một cầu thủ ném bóng đã tác dụng một (7)..... lên quả bóng làm cho nó chuyển động.

d. Lực đập của vợt làm cho quả bóng bàn vừa bị (8).....vừa bị (9).....

III. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khi đo kích thước của sân đá bóng, người ta nên dùng thước đo nào dưới đây để việc đo được thuận lợi nhất;

- A. Thước thẳng có GHĐ 1m, ĐCNN 1cm
- B. Thước thẳng có GHĐ 1,5m, ĐCNN 5 mm
- C. Thước dây có GHĐ 5 m, ĐCNN 1 cm
- D. Thước dây có GHĐ 10m, ĐCNN 1cm

Câu 2. Để đo đường kính của 1 viên bi nhỏ hình cầu ta nên dùng thước đo nào dưới đây để có độ chính xác nhất:

- A. Thước thẳng có GHĐ 10 cm, ĐCNN 2 mm
- B. Thước kẹp có GHĐ 10cm, ĐCNN 2mm
- C. Thước thẳng có GHĐ 30cm, ĐCNN 0,5 mm
- D. Thước dây có GHĐ 10cm, ĐCNN 1cm

Câu 3. Để đo số đo của khách may quần áo, người thợ may nên dùng thước đo nào dưới đây để có độ chính xác nhất:

- A. Thước thẳng có GHĐ 50cm, ĐCNN 1cm
- B. Thước thẳng có GHĐ 1,5m, ĐCNN 1 mm
- C. Thước dây có GHĐ 1,5m, ĐCNN 1cm
- D. Thước cuộn có GHĐ 10m, ĐCNN 1cm

Câu 4. Một bình nước chứa 100 ml, khi bỏ vào bình một viên bi thủy tinh thì nước dâng lên 150 ml . Thể tích viên bi là:

- A. 150cm^3
- B. $0,15\text{ dm}^3$
- C. 50 cm^3
- D. cả A và C đúng

Câu 5. Chọn đáp án đúng: Một người đẩy một chiếc xe đẩy trẻ em đi trên đường. Xe chịu tác dụng của

- A. Lực đẩy
- B. Lực nâng của mặt đường
- C. Trọng lực của Trái Đất
- D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 6. Chọn đáp án đúng: Một cầu thủ đá vào trái banh tức là cầu thủ đã tác dụng vào trái banh một lực

- A. Kéo
- B. Đẩy
- C. Hút
- D. Đàn hồi

Câu 7. Chọn đáp án đúng: Lực tác dụng của một nam châm lên một mẫu thép đặt gần nó là lực

- A. Kéo
- B. Đẩy
- C. Hút
- D. Đàn

hỏi

Câu 8. Chọn câu trả lời sai: Một vật nếu có lực tác dụng sẽ:

- A. Thay đổi vận tốc
- B. Bị biến dạng
- C. Thay đổi chuyển động
- D. Không biến dạng và không thay đổi chuyển động

Câu 9. Chọn câu trả lời đúng: Khi đánh tennis, vận động viên đập mặt vợt vào trái banh. Khi đó mặt vợt có tác dụng lực

- A. Làm biến dạng trái banh và biến đổi chuyển động của nó
- B. Chỉ làm biến đổi chuyển động của trái banh
- C. Chỉ làm biến dạng trái banh
- D. Cả 3 câu đều sai.

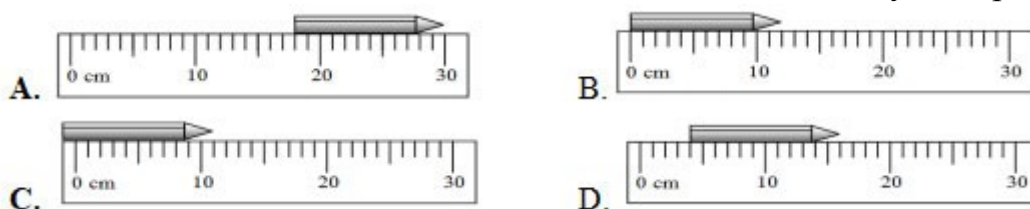
Câu 10. Để đo đường kính của 1 viên bi nhỏ hình cầu ta nên dùng thước đo nào dưới đây để có độ chính xác nhất:

- A. Thước thẳng có GHĐ 10 cm, ĐCNN 2 mm
- B. Thước kẹp có GHĐ 10cm, ĐCNN 2mm
- C. Thước thẳng có GHĐ 30cm, ĐCNN 0,5 mm
- D. Thước dây có GHĐ 10cm, ĐCNN 1cm

Câu 11. Chọn câu trả lời đúng: Một bình chia độ có GHĐ là 100 ml. ĐCNN là 5 ml . Thể tích nước trong bình hiện có 60 ml . Có thể đo các vật rắn có thể tích trong khoảng :

- A. 45 cm³ đến 100 cm³
- B. 5 cm³ đến 45 cm³
- C. 5 đến 40 cm³
- D. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 12: Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



Câu 13: Khi sử dụng bình chia độ có ĐCNN 0,1cm³ để thực hành đo thể tích chất lỏng, số liệu nào sau đây ghi đúng:

- A. $V_1 = 20,10\text{cm}^3$
- B. $V_2 = 20,1\text{cm}^3$
- C. $V_3 = 20,01\text{cm}^3$
- D. $V_4 = 20,100\text{cm}^3$

Câu 14: Trong các số liệu dưới đây, số liệu nào chỉ khối lượng của hàng hoá?

- A. Trên nhãn của chai nước khoáng có ghi: 330ml
- B. Trên vỏ của hộp Vitamin B1 có ghi: 1000 viên nén.
- C. Ở một số của hàng vàng bạc có ghi: vàng 99,99.
- D. Trên vỏ túi xà phòng bột có ghi : “Khối lượng tịnh 1kg”

Câu 15: Cuốn SGK vật lý 6 có chiều rộng khoảng 16cm. Khi đo, nên chọn thước thẳng nào sau đây?

- A. Có GHĐ 0,2 m, ĐCNN 1mm
- B. Có GHĐ 0,5m, ĐCNN 1cm.
- C. Có GHĐ 1m, ĐCNN 1dm.
- D. Cả ba thước trên đều như nhau

PHÂN MÔN HÓA HỌC

Kiến thức trọng tâm

Bài 9: Sự đa dạng của chất:

Câu 1: Phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo? Phân biệt vật sống và vật không sống? Mỗi loại vật thể lấy 5 ví dụ.

Câu 2: Tính chất vật lý là gì? Lấy ví dụ. Tính chất hóa học là gì? Lấy ví dụ.

Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể

Câu 3: Chất tồn tại ở các thể nào và cho biết đặc điểm của các thể đó? Trình bày sự chuyển thể của chất (sự nóng chảy, sự đông đặc, sự hóa hơi và sự ngưng tụ)?

Bài 11: Oxygen và không khí:

Câu 4: Tính chất vật lý và tầm quan trọng của oxygen? Vai trò của không khí? Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí? Em hãy đề ra tối thiểu 5 biện pháp bảo vệ môi trường không khí?

Bài 12: Một số vật liệu:

Câu 5: Trình bày tính chất và ứng dụng của kim loại, nhựa, cao su, gốm sứ, gỗ?

Câu 6: Đưa ra cách phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt? Giải thích một số kí hiệu trên chai nhựa (PETE, HDPE, V, LDPE, PP, PS ...).

-----**HẾT**-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN CÔNG NGHỆ 6

I. Kiến thức trọng tâm:

- Vai trò của nhà ở và các kiến trúc đặc trưng của nhà ở Việt Nam
- Vật liệu xây dựng
- Ngôi nhà thông minh
- Thực phẩm và dinh dưỡng
- Các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm.

II. Câu hỏi và bài tập

Câu hỏi lý thuyết:

Câu 1: Kể tên và nêu vai trò của các nhóm thực phẩm chính cung cấp các chất cần thiết cho cơ thể con người?

Câu 2: Nêu một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam?

Câu 3: Nêu những đặc điểm của ngôi nhà thông minh?

Câu 4: Liệt kê một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm mà em biết?

Câu 5: Kể tên và nêu vai trò của các nhóm thực phẩm dinh dưỡng chính?

Câu 6: Liệt kê những việc cần làm có thể giúp chúng ta hình thành thói quen ăn uống khoa học?

Câu 7: Thế nào là một món ăn ngon? Thực phẩm có thể được bảo quản và chế biến như thế nào để có được những bữa ăn hợp lí, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm?

Câu 8: Mô tả dưới đây thuộc đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

- a, Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sẽ giảm ánh sáng.
- b, Màn hình chuông cửa cho biết có khách đang đứng đợi ở cửa ra vào.
- c, Hệ thống âm thanh tự động giảm độ lớn khi đêm về khuya.
- d, Tự động phun nước tại nơi cần chữa cháy.

Một số câu hỏi trắc nghiệm luyện tập (Tham khảo)

Câu 1: Nhà ở có vai trò vật chất vì

- A. nhà ở là nơi để mọi người cùng nhau tạo niềm vui, cảm xúc tích cực.
- B. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác thân thuộc.
- C. nhà ở là nơi để con người nghỉ ngơi, giúp bảo vệ con người trước tác động của thời tiết.
- D. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác riêng tư.

Câu 2: Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ tiếp khách và các thành viên trong gia đình trò chuyện?

- A. Khu vực sinh hoạt chung.
- B. Khu vực nghỉ ngơi.
- C. Khu vực thờ cúng.
- D. Khu ăn uống.

Câu 3: Điều khiển lò vi sóng, điều khiển bình nóng lạnh trong ngôi nhà thông minh thuộc nhóm hệ thống nào sau đây?

- A. Hệ thống chiếu sáng.
- B. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ.
- C. Hệ thống giải trí.
- D. Hệ thống điều khiển thiết bị gia dụng.

Câu 4: Nhà nổi thường có ở khu vực nào?

- A. Tây Bắc.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Trung du Bắc bộ.

Câu 5: Khói trong nhà bếp bốc lên, ngay lập tức chuông báo động vang lên là thể hiện đặc điểm nào sau đây của ngôi nhà thông minh?

- A. Tiện ích.
- B. An ninh an toàn
- C. Tiết kiệm năng lượng.
- D. Thân thiện với môi trường.

Câu 6: Nhà ở có đặc điểm chung về:

- A. kiến trúc và màu sắc.
- B. cấu tạo và phân chia các khu vực chức năng.

C. vật liệu xây dựng và cấu tạo.

D. kiến trúc và phân chia các khu vực chức năng.

Câu 7: Vật liệu xây dựng ...

A. Ảnh hưởng tới tuổi thọ, chất lượng và tính thẩm mỹ của công trình.

B. Không ảnh hưởng tới tuổi thọ công trình.

C. Không ảnh hưởng tới chất lượng công trình.

D. Không ảnh hưởng tới tính thẩm mỹ của công trình.

Câu 8. Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như:

A. Có người lạ đột nhập, quên đóng cửa.

B. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra.

C. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.

D. Có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.

Câu 9 : Các hình thức cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như

A. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo.

B. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà

C. Tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà

D. Chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà

Câu 10: Vitamin nào sau đây giúp ngừa bệnh *quáng gà*?

A. Vitamin A

B. Vitamin B

C. Vitamin C

D. Vitamin K

Câu 11: Muốn cơ thể phát triển cân đối và khỏe mạnh, chúng ta cần:

A. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo

B. Ăn nhiều bữa, đủ dinh dưỡng

C. Ăn đúng bữa, đúng cách, đảm bảo an toàn thực phẩm

D. Ăn nhiều thức ăn giàu đạm, ăn đúng giờ

Câu 12: Nguyên tắc hoạt động của ngôi nhà thông minh:

A. Nhận lệnh, xử lý, chấp hành

B. Chấp hành, nhận lệnh, xử lý

lí

C. Xử lý, nhận lệnh, chấp hành

D. Chấp hành, nhận diện, xử lý

Câu 13: Nguồn cung cấp của *Vitamin B* chủ yếu từ:

A. Lòng đỏ trứng, tôm cua

B. Rau quả tươi

C. Thịt lợn, thịt gà, thịt vịt...

D. Ngũ cốc

Câu 14. Loại thức phẩm nào cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

A. Muối.

B. Đường.

C. Dầu mỡ.

D. Thịt.

Câu 15. Chất khoáng nào tham gia vào quá trình cấu tạo và là thành phần của hồng cầu trong máu.

- A. Sắt
- B. Can xxi
- C. I - ốt
- D. Nhôm

-----HẾT-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN GDCD 6

A. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC

Học sinh trả lời và ôn tập thật kĩ các câu hỏi sau:

Câu 1: Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì? Người siêng năng, kiên trì sẽ nhận được điều gì? Nêu 5 câu ca dao, tục ngữ nói về đức tính siêng năng, kiên trì?

Câu 2: Tôn trọng sự thật là gì? Ý nghĩa của tôn trọng sự thật?

Câu 3: Tự lập là gì? Em hãy nêu 5 biểu hiện của tự lập trong học tập và trong sinh hoạt hằng ngày?

Câu 4: Tự lập có ý nghĩa như thế nào? Học sinh cần làm gì để rèn luyện được tính tự lập cho bản thân?

Câu 5: Em hiểu thế nào là tự nhận thức bản thân? Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ có lợi ích như thế nào?

Câu 6: Để nhận thức đúng về bản thân, em cần phải làm gì?

Cho tình huống: Dù rất muốn cố gắng để học giỏi nhưng bạn A luôn nghĩ rằng đó là điều rất khó khăn với mình vì A nghĩ những bạn học giỏi phải là người rất thông minh. Vì vậy, A có cố gắng mấy cũng không thể giỏi được. Nếu là bạn của A, em sẽ khuyên bạn như thế nào?

B. MỘT SỐ CÂU HỎI LUYỆN TẬP

Câu 1: *Người có tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại là biểu hiện của người có đức tính*

- A. siêng năng.
- B. kiên trì.
- C. tự trọng.
- D. trung thực.

Câu 2: *Câu ca dao tục ngữ nào dưới đây nói về siêng năng, kiên trì?*

- A. Cây ngay không sợ chết đứng.
- B. Há miệng chờ sung.
- C. Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.
- D. Chị ngã em nâng.

Câu 3: *Đâu là biểu hiện của tôn trọng sự thật?*

- A. Suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.
- B. Chỉ cần trung thực với cấp trên của mình.
- C. Có thể nói không đúng sự thật khi không ai biết.
- D. Chỉ cần nói thật khi người khác yêu cầu.

Câu 4: *Những người luôn trông chờ, dựa dẫm phụ thuộc vào người khác là những người:*

- A. không tự lập.
- B. siêng năng, kiên trì.
- C. không trung thực.
- D. biết lo liệu cho bản thân.

Câu 5: *Bị bạn bè rủ rê, M thường hay trốn học đi chơi điện tử, dẫn đến sao nhãng việc học hành. M bảo rằng không có điểm mạnh về học tập. Nếu em là bạn thân của M, em sẽ làm gì để giúp M?*

- A. Cho M chép bài của mình trong giờ kiểm tra để M được điểm cao.
- B. Chê bai, nói xấu M với các bạn cùng lớp.
- C. Khuyên M không nên trốn học và giúp bạn ôn lại từ những kiến thức cơ bản.
- D. Không làm gì vì không liên quan đến mình.

Câu 6: Q và H đang trao đổi với nhau về bài học tự nhận thức bản thân. Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây của hai bạn?

- A. Học sinh chưa cần tự nhận thức bản thân.
- B. Tự nhận thức bản thân giúp chúng ta phát huy được điểm mạnh của mình.
- C. Chỉ những người kém cỏi mới cần tự nhận thức bản thân.
- D. Tự nhận thức bản thân không cần thiết trong cuộc sống thực tế.

Câu 7: Người có tính tự lập thường với những khó khăn, thử thách của cuộc sống.

- A. sợ hãi và né tránh
- B. tự tin và dám đương đầu
- C. ý lại và chóng chán
- D. quyết tâm và vui vẻ

Câu 8: Người sống tự lập thường đạt được điều nào sau đây?

- A. Nổi tiếng và được nhiều người ngưỡng mộ.
- B. Không phải chia sẻ thành quả với người khác.
- C. Thành công mà không tốn công sức.
- D. Luôn kiểm soát và làm chủ được cuộc sống của bản thân.

Câu 9: Để nhận thức đúng về bản thân, ta cần:

- A. Lắng nghe những góp ý của người khác đối với mình.
- B. Tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện, phát triển bản thân.
- C. Đánh giá bản thân qua từng hoạt động.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 10: Tự nhận đúng về bản thân không phải là điều dễ dàng, mà cần phải qua

- A. rèn luyện.
- B. giao tiếp.
- C. các bài kiểm tra.
- D. sự đánh giá của người khác.

Câu 11: Để rèn luyện tính tự lập, chúng ta cần tránh làm gì?

- A. Luôn cần đến sự trợ giúp của những người xung quanh.
- B. Chủ động vạch ra mục tiêu và lập kế hoạch giải quyết công việc.
- C. Luôn tự đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân sau mỗi hoạt động.
- D. Tích cực quan, học hỏi từ thầy cô, bạn bè và những người xung quanh.

Câu 12: Tròng hợp nào sau đây thể hiện đức tính tự lập?

- A. Lấy trộm tiền của mẹ để đi chơi điện tử.
- B. Không tiếp xúc, giao tiếp với những người xung quanh.
- C. Tham khảo đáp án sau khi đã tự mình giải bài tập.
- D. Chép bài của bạn học giỏi hơn để được điểm cao.

Câu 13: Siêng năng là đức tính của con người biểu hiện ở thái độ làm việc một cách:.....

A. hời hợt. B. nông nổi. C. cần cù. D. lười biếng.

Câu 14: Lựa chọn những cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống để làm rõ ý nghĩa của tự nhận thức đúng về bản thân.

"Tự nhận thức bản thân sẽ giúp em:

- Nhận ra (1)..... của bản thân để (2)....., điểm yếu để (3).....
- Biết rõ (4)....., những khả năng, khó khăn, thách thức của bản thân để có thể đặt (5)....., ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp."

(khắc phục, điểm mạnh, mong muốn, mục tiêu, phát huy)

Câu 15: Em hãy tích X vào những câu em cho là đúng.

1	Tự lập là tự mình làm lấy mọi việc, không cần sự giúp đỡ của bất kì ai.	
2	Không thể thành công nếu chỉ dựa trên sự giúp đỡ của người khác.	
3	Tính tự lập sẽ giúp cho mỗi người có thêm sức mạnh, sự tự tin và khả năng sáng tạo.	
4	Tính tự lập chỉ cần thiết đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.	
5	Người có tính tự lập thường thành công trong cuộc sống dù phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ.	
6	Người có tính tự lập thường bị mọi người xung quanh xa lánh.	

-----HẾT-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I – MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 6

- Thanh lịch, văn minh - nét đẹp của người Hà Nội
- Cách ăn uống của người Hà Nội
- Nơi ở của người Hà Nội
- Trang phục của người Hà Nội
- Giới thiệu khái quát về địa lí thành phố Hà Nội
- Danh lam thắng cảnh Hà Nội
- Di tích lịch sử Hà Nội
- Hà Nội thời kì tiền Thăng Long

-----HẾT-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I - MÔN NGHỆ THUẬT 6

- MÔN ÂM NHẠC

- Ôn tập hai bài hát: Đời sống không già vì có chúng em (Trịnh Công Sơn). Những ước mơ (Nguyễn Ngọc Thiện). Kết hợp gõ đệm và các động tác vận động cơ thể theo nhịp điệu
- Ôn tập tập đọc nhạc: TĐN số 2; Kết hợp đánh nhịp 4/4

- MÔN MỸ THUẬT

Chủ đề: Vật liệu hữu ích- Bài 3: Khu nhà tương lai.

-----HẾT-----

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I - MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6

Ném bóng

-----HẾT-----

Chúc các em ôn tập tốt, đạt kết quả cao!